|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Lớp |
| 08/02/2024 | 11/02/2025 | 6B |
| 12/02/2025 | 6C |

**Tiết 32, bài 18:**

**THỰC HÀNH:**

**PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ, LƯỢNG MƯA**

# I. MỤC TIÊU

## 1. Năng lực:

*a.Năng lực chung:*

***-****Năng lực tự chủ và tự học*: sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác*: thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.

*-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*

***-*** *Năng lực sử dụng tranh ảnh, video địa lí:* Thông quan tranh ảnh, mẫu vật địa lí để phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa. Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới. Xác định được các đại lượng dựa vào trục của hệ tọa độ.

*- Năng lực tư duy địa lí:* khái quát được mối quan hệ giữa các thành phần địa lí.

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vài tập vận dụng.

***3.Phẩm chất chủ yếu:***

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức tìm hiểu, vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống. Chủ động trong mọi hoàn cảnh, biến thách thức thành cơ hội để vươn lên. Luôn có ý thức học hỏi không ngừng để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu.

-*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, dân tộc để sống hòa hợp với môi trường.

# II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

# 1. Giáo viên

- Hình 2 SGK đã che tên địa điểm.

- Bảng chú giải của bản đồ.

- Phiếu học tập.

# 2. Học sinh

- Sách giáo khoa, vở ghi.

- Giấy note làm bài tập trên lớp.

- Bảng nhóm, bút lông.

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | | | | | **Nội dung** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:5’**  **1. Mục tiêu:** HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.  - Phương pháp tích cực: giải quyết vấn đề.  - Kĩ thuật: Động não, tia chớp.  **2. Nội dung:** Đóng vai, tham gia trao đổi về 1 tình huống thực tiễn  **3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:** | | | | | | | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ***  **+** GV cho HS xem hình biểu đồ 1 trạm khí hậu, đố HS: đố các em biết đây là gì? Và nó dùng để làm gì?  45  ***c. Báo cáo kết quả***  ***d. Nhận xét đánh giá.*** | | | | | ***b. Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS quan sát video và trả lời | | | | *Nội dung chính trong bức hình là biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa ở 1 địa điểm* | |
| **HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH/LUYỆN TẬP: 35’**  ***1.Mục tiêu:*** - Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.  - Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới.  - Xác định được các đại lượng dựa vào trục của hệ tọa độ.  ***Phương pháp***: Hợp tác; GQVĐ; Khám phá, Trò chơi,…  ***Kĩ thuật***: Động não, tia chớp, mảnh ghép, khăn trải bàn…  ***2. Nội dung***: - Học sinh thực hiện hoạt động trong các nhiệm vụ mà gv đưa ra .  ***3. Sản phẩm của HS:*** giải quyết được vấn đề giáo viên được vấn đề giáo viên đặt ra trong các nhiệm vụ .  ***4. Tổ chức thực hiện:*** | | | | | | | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ***  + GV chia lớp thành 6 nhóm. Chuẩn bị bảng nhóm, bút lông. Chơi trò chơi “AI TINH MẮT HƠN”.  + Luật chơi:  \* GV đọc từng câu hỏi, các nhóm nhìn thật kĩ hình 1, ghi thật nhanh đáp án vào bảng nhóm trong 5 tiếng đếm của GV, sau 5 tiếng đếm, tất cả giơ bảng nhóm. Nhóm nào ghi đúng thì GV đánh dấu lên bảng lớp để tiện theo dõi.  \* Các nhóm không hỏi bài nhau.  ***c. Báo cáo kết quả***  ***d. Nhận xét đánh giá.*** | | | ***b. Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS suy nghĩ và ghi câu trả lời ra giấy A1.  + HS trình bày | | | **1. Hướng dẫn đọc biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.**  - Biểu đồ hình cột màu xanh thể hiện lượng mưa (đơn vị mm)  - Đường biểu diễn màu đỏ thể hiện nhiệt độ (đơn vị ℃)  - Thời gian: 12 tháng | | | | |
| **Bộ câu hỏi trò chơi**   |  |  | | --- | --- | | **BỘ CÂU HỎI TRÒ CHƠI: AI TINH MẮT HƠN** | | | **Câu hỏi** | **Đáp án** | | 1. Tên biểu đồ của hình 1 là gì? | Biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa tại trạm Láng (Hà Nội) | | 2. Trục bên tay trái thể hiện yếu tố nào? | Nhiệt độ | | 3. Đơn vị đo của yếu tố ở cột bên trái đó? | 0C | | 4. Trục bên tay phải thể hiện yếu tố nào? | Lượng mưa | | 5. Đơn vị đo của yếu tố ở cột bên phải đó? | mm | | 6. Biểu đồ cột màu xanh thể hiện cho yếu tố nào? | Lượng mưa | | 7. Đường biểu diễn màu đỏ thể hiện yếu tố nào? | Nhiệt độ | | 8. Trục ngang thể hiện yếu tố nào? | Tháng | | 9. Kí hiệu chữ T biểu hiện yếu tố gì? | Nhiệt độ trung bình năm | | 10. Kí hiệu chữ P biểu hiện yếu tố gì? | Lương mưa trung bình năm | | | | | | | | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ***  Nhiệm vụ 1:  - Hoạt động theo nhóm: 6 nhóm cũ. GV giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm:  + Nhóm 1, 2: Tìm hiểu biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của Tích-xi.  + Nhóm 3, 4: Tìm hiểu biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của Xê-un.  + Nhóm 5, 6: Tìm hiểu biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của Ma-ni-la.  - Sau đó, GV yêu cầu các nhóm quan sát bảng tổng kết về nhiệt độ và lượng mưa của cả 3 địa điểm: Nêu đặc điểm về nhiệt độ, lượng mưa của ba địa điểm trên.  - GV yêu cầu, từ phần nhận xét, HS hãy sắp xếp các trạm khí hậu vào vị trí tương ứng trên hình 2: Các đới khí hậu trên Trái Đất (GV đã dùng hình đã che tên các trạm).  ***c. Báo cáo kết quả***  ***d. Nhận xét đánh giá.*** | | ***b. Thực hiện nhiệm vụ:***  + HS làm nhiệm vụ  + HS trình bày | | | | | | **2. Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.**  Nhận xét:  - Biểu đồ Tích-xi thuộc đới lạnh: Nhiệt độ trung bình năm thấp dưới 0°C, lượng mưa nhỏ.  - Biểu đồ Xê-un thuộc đới ôn hòa: Nhiệt độ trung bình năm nhỏ hơn 20°C, tháng nóng nhất là 26 °C, lượng mưa tương đối nhiều.  - Biểu đồ Ma-ni-la thuộc đới nóng: Nhiệt độ trung bình năm cao, biên độ nhiệt năm nhỏ, lượng mưa lớn. | | |
| **Dự kiến sản phẩm**   |  | Tích-xi | Xê-un | Ma-ni-la | | --- | --- | --- | --- | | Về nhiệt độ | | | | | Nhiệt độ tháng cao nhất (°C) | 8 | 26 | 29 | | Nhiệt độ tháng thấp nhất (°C) | - 30 | -1 | 26 | | Biên độ nhiệt độ năm (°C) | 38 | 27 | 3 | | Nhiệt độ trung bình năm (°C) | - 12,8 | 13,3 | 25,4 | | Về lượng mưa | | | | | Lượng mưa tháng cao nhất (mm) | 50 | 385 | 440 | | Lượng mưa tháng thấp nhất (mm) | 10 | 21 | 8 | | Lượng mưa trung bình năm (mm) | 321 | 1373 | 2047 | | | | | | | | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: 05’** *1.Mục tiêu:* củng cố kiến thức bài học ***Phương pháp***: Hợp tác; GQVĐ; Khám phá, Trò chơi,…  ***Kĩ thuật***: Động não, tia chớp, mảnh ghép, khăn trải bàn…  ***2. Nội dung***: Giải quyết vấn đề do Gv đưa ra.  ***3. Sản phẩm của HS:*** câu trả lời và dẫn chứng của học sinh  ***4. Tổ chức thực hiện:*** | | | | | | | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ***  + So sánh sự khác nhau về nhiệt độ và lượng mưa của 2 trạm khí tượng dưới đây: Tìm nhiệt độ và lượng mưa ở mỗi chạm (có thể kẻ bảng như trong bài đã học), sau đó dựa vào bảng để nhận xét xem nhiệt độ, lượng mưa ở trạm nào cao hơn, thấp hơn. Cuối cùng, rút ra kết luận xem trạm đó ở đới khí hậu nào  ***c. Báo cáo kết quả***  ***d. Nhận xét đánh giá.*** | | | | ***b. Thực hiện nhiệm vụ:***  - Học sinh thực hiện theo các yêu cầu của GV | | | | | |  |
| 50 | | | | | | | | | | |